

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN ĐĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH KONTUM**

---

Bản án số: **22/2020/HSST**

Ngày: 02/12/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH KONTUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoa Như

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông A Bông

2. Ông Lê Văn Mạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Bà Y Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 02/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/HSST ngày 30/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/HSST-QĐ ngày 16/11/2020, đối với bị cáo **Nguyễn Văn L**, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1965 tại Bình Định; Nơi cư trú: Không ổn định; HKTT: Phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình M và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); Vợ là Nguyễn Thị Th (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn nhất 30 tuổi, con nhỏ nhất 28 tuổi.

Tiền án: Bị cáo có 07 tiền án

Ngày 02/11/1989, bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai) xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” theo khoản 1 Điều 157 BLHS năm 1985. Ngày 25/3/1990, chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 29/4/2005, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 15 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 05/11/2007, bị Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Kon Tum xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 29/02/2008 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 23/7/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 25/3/2009 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 17/8/2009, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 14/4/2010 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 30/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 04/10/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 08/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 138 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 28/2/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2020 cho đến nay. Có mặt.

**- Bị hại:**

1/ Bà Phan Thị L, địa chỉ: Khối 10, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị N (có đơn xin xử vắng mặt) và bà Y T (có mặt). Cùng địa chỉ: Khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Nguyễn Thị Th, địa chỉ: Số 172, Sư Vạn Hạnh, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt).

2/ Bà Đỗ Thị N, địa chỉ: Xã Ia Tôn, huyện Chư Prong, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 12/7/2020, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô

BKS 81T1 – 08819 nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu trắng đen đi từ thành phố Kon Tum đến huyện Đ với mục đích tìm các cửa hàng tạp hóa để trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực phía sau chợ Đ, thuộc khối 8, thị trấn Đ, bị cáo L dựng xe ở ngoài và đi vào cửa hàng tạp hóa của chị Phan Thị L. Bị cáo đưa cho chị Lương 01 tờ giấy ghi các mặt hàng cần mua gồm: bánh kẹo, thuốc lá, đường, bột ngọt... Chị Lương cầm giấy và đi soạn hàng, bị cáo lợi dụng lúc chị Lương không để ý đã lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE8 màu vàng, ốp nhựa màu đen đang để trên bàn tính tiền. Sau khi trộm cắp, bị cáo điều khiển xe mô tô về bến xe Kon Tum bán chiếc điện thoại trên cho khách đi đường với giá 2.000.000đ.

Cùng với thủ đoạn trên, khoảng 08 giờ ngày 14/7/2020, bị cáo tiếp tục từ tỉnh Gia Lai lên huyện Đ, tỉnh Kon Tum đến cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị N tại khối 3, thị trấn Đ, lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu vàng nhạt của chị Y T để trong túi áo khoác được treo trên xe mô tô và trộm cắp 06 cây thuốc lá loại thuốc ngựa (WHITE HOUSE) của chị Ngọc. Sau khi lấy trộm tài sản, bị cáo điều khiển xe về bến xe Gia Lai bán cho khách đi đường chiếc điện thoại với giá 600.000đ và 06 cây thuốc lá với giá 150.000đ/cây (900.000đ).

Tại kết luận định giá tài sản: 01 chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE8 trị giá 9.592.000đ; 01 điện thoại di động OPPO A37 trị giá 1.275.000đ; 06 cây thuốc lá loại thuốc ngựa (WHITE HORSE) trị giá 1.200.000đ. Tổng giá trị các tài sản trị giá là 12.067.000đ.

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa, cũng như lời khai nhận tội của bị cáo đã xác định số tiền 16.890.000 đồng bị Công an tạm giữ trên người bị cáo khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp là tiền của bị cáo. Không phải là số tiền do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại số tiền trên cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 29/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là bà Phan Thị L, Nguyễn Thị N và bà Y T đã nhận tiền bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo gửi lời xin lỗi người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đảm bảo thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy, lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nếu có tranh chấp dân sự sẽ giải quyết bằng vụ án khác; Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo Nguyễn Văn L đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, trộm cắp tài sản của chị Lương, chị Ngọc và chị Y T với tổng giá trị là 12.067.000 đồng.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, hành vi đó đã thể hiện sự coi thường pháp luật vì bị cáo đã có 07 tiền án, án xử năm 2015 đã xác định bị cáo là tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên trộm cắp lấy đó làm nguồn sống chính cho bản thân, đã qua thời gian cải tạo lâu dài nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm lần thứ 2.

Do đó, cần thiết phải ấn định mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra, có như vậy mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Theo bản án số 20/2015/HSST ngày 08/7/2015 bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm lần thứ hai, bị cáo đã 06 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, lấy việc trộm cắp là nguồn sống chính cho bản thân nên thuộc trường hợp tăng nặng định khung: *Có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm nguy hiểm* quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 BLHS 2015.

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *phạm tội 02 lần trở lên* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là bà Phan Thị L, bà Nguyễn Thị N và bà Y T đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét

[6] Về vật chứng:

- Tại giai đoạn điều tra đã trả cho bị cáo tổng số tiền đã thu giữ là 16.890.000 đồng, đây là tiền của bị cáo nên CQĐT trả lại là đúng quy định.

- 01 (một) xe mô tô BKS 81T1 – 08819, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen trắng, số máy 5C64794889, số khung 40CY794880. Đây là tài sản riêng của bị cáo, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) khẩu trang bằng vải, màu đen-trắng-đỏ,

- 01 (một) mũ bảo hiểm xanh đậm;

- 01 (một) áo khoác bằng vải, màu xám.

Tất cả đã qua sử dụng, các vật dụng trên là tài sản riêng của bị cáo, là vật dụng mà bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo không nhận lại. Những tài sản không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu (USB) màu xanh, phía trước có dòng chữ “Kington”,

- 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu (USB) màu trắng có nắp đậy, phía trước

có dòng chữ “16GB TOSHIBA”,

Xét 02 (hai) thiết bị lưu trữ dữ liệu (USB), là những thiết bị điện tử có lưu trữ hình ảnh chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b, g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn L** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L **40 (Bốn mươi)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (16/7/2020).

**Về vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

*Tịch thu sung quỹ Nhà nước:* 01 (một) xe mô tô BKS 81T1 – 08819, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen trắng, số máy 5C64794889, số khung 40CY794880. Tình trạng đã qua sử dụng.

*Tịch thu tiêu hủy:*

+ 01 (một) khẩu trang bằng vải, màu đen-trắng-đỏ, có hoa văn hình ca rô. Tình trạng đã qua sử dụng.

+ 01 (một) mũ bảo hiểm xanh đậm, phía sau có dòng chữ “NÓN SƠN”. Tình trạng đã qua sử dụng.

+ 01 (một) áo khoác bằng vải, màu xám. Tình trạng đã qua sử dụng.

*Lưu trữ trong hồ sơ vụ án:*

+ 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu (USB) màu xanh, phía trước có dòng chữ “Kington”, phía sau có dòng chữ “DT101G2” và dòng chữ “4G” được niêm phong trong 01 bì ni lông màu trong suốt.

+ 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu (USB) màu trắng có nắp đậy, phía trước có dòng chữ “16GB TOSHIBA”, phía sau có dòng chữ “MADE IN PHILIPPINES” và dòng chữ “4G” được niêm phong trong 01 bì ni lông màu trong suốt.

*(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật*

*chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ngày 05/11/2020).*

Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/12/2020). Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu bản án; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoa Như**